

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 03-01-2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng*

*Bà Ngô Thị Thơm.*

**- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.**

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.**

Ngày 03 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 238/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Hà Gi**, sinh năm 1996.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Bá T**, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: KDC M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại Đài Loan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **N**, sinh năm 1963. Địa chỉ: KDC M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người được chị Gi ủy quyền về việc giao nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị **Vũ Thị Ch**, sinh năm 1990. Địa chỉ: KDC Tr, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền ngày 10/9/2022).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị Hà Gi trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Bá T quen biết nhau khi cùng lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), quyết định tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương, ngày 17/01/2018. Sau khi kết hôn anh T tiếp tục quay lại nước ngoài làm việc, năm 2019 chị cũng đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở nước ngoài vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không có sự tin tưởng về mặt tình cảm và kinh tế khiến vợ chồng xảy ra xích mích và cãi nhau. Thực tế vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Phạm Bá T theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là PBH- sinh ngày 12/9/2018, hiện đang ở với ông bà nội. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng. Do hiện nay anh T đang lao động tại nước ngoài nên chị nhất trí để bà N (là mẹ đẻ anh T) tạm nuôi hai con chung trong thời gian anh T không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà N (mẹ đẻ anh Phạm Bá T) thể hiện: Anh Phạm Bá T hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì bà không biết, nhưng anh T thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Phạm Bá T biết. Vợ chồng chị Gi, anh T xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc không thống nhất về quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế. Hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, bà đã thông báo cho anh T biết. Anh Phạm Bá T không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với bà Nước qua điện thoại và thể hiện quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn. Về con chung: Anh T có nguyện vọng nuôi con chung PBH, không yêu cầu chị Gi cấp dưỡng và ủy quyền cho bà Nước nuôi cháu trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà Nước nhất trí sự ủy quyền của anh T về việc nuôi con chung và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Bùi Thị Hà Gi và anh Phạm Bá T kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa phương. Sau khi kết hôn một thời gian thì cả hai đi nước ngoài lao động, theo địa phương được biết thì vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và kinh tế. Nay chị Gi có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị Bùi Thị Hà Gi vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt đồng thời giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Phạm Bá T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn

giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho chị Bùi Thị Hà Gi ly hôn anh Phạm Bá T. Về con chung: Giao con chung là PBH- sinh ngày 12/9/2018 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu Hưng cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Gi cấp dưỡng tiền nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng. Chị Gi phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HDXX nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Bùi Thị Hà Gi không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng có điểm chỉ dấu vân tay trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tại Kết luận giám định số 35/KL-KTHS ngày 14/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương đã kết luận dấu vân tay trong các tài liệu mà chị Gi gửi về so với dấu vân in trong căn cước công dân số 030196002604 mang tên Bùi Thị Hà Gi là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Bùi Thị Hà Gi. Bị đơn anh Phạm Bá T có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu dân cư M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Gi và gia đình bà Nước không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình bà Nước vẫn thường xuyên liên lạc với anh T nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh T biết việc chị Gi đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh T biết. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai, chị Gi và bà Nước có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hà Gi và anh Phạm Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương, ngày 17/01/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có sự tin tưởng nhau về mặt tình cảm và làm ăn kinh tế. Mặc dù anh chị cùng lao động và sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc) nhưng vợ chồng không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Anh Phạm Bá T không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc bằng điện thoại với gia đình, anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn giữa chị Bùi Thị Hà Gi và anh Phạm Bá

T được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa phương và của các đương sự. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đã sống ly thân từ lâu không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Bùi Thị Hà Gi ly hôn anh Phạm Bá T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Bùi Thị Hà Gi và anh Phạm Bá T có một con chung là PBH- sinh ngày 12/9/2018. Xét về thực tế con chung hiện đang ở cùng với bà Nước (mẹ đẻ anh T). Chị Bùi Thị Hà Gi đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng. Anh Phạm Bá T ủy quyền cho bà Nước nuôi cháu Hưng trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Để đảm bảo sự ổn định và sự phát triển về mọi mặt của con chung, HĐXX chấp nhận giao cho anh Phạm Bá T nuôi dưỡng con chung PBH là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự. Về cấp dưỡng cho con: Mặc dù anh T, bà Nước không đề nghị chị Gi cấp dưỡng cho con, tuy nhiên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung chưa thành niên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị Gi cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/tháng. Như vậy là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh T không ở Việt Nam, tạm giao cháu Hưng cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị Gi có căn cứ cho rằng anh T không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Bùi Thị Hà Gi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và tiền án phí cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Bùi Thị Hà Gi** ly hôn anh **Phạm Bá T**.
2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Bá T nuôi dưỡng, giáo dục con chung PBH- sinh ngày 12/9/2018.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Bùi Thị Hà Gi cấp dưỡng cho con chung PBH số tiền là 2.000.000đ/tháng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Trong thời gian anh Phạm Bá T không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung là PBH cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở chị Bùi Thị Hà Gi thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

*Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Hà Gi phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân và gia đình). Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do chị Vũ Thị Chang nộp thay theo biên lai thu số AA/2021/00001716 ngày 21/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị Hà Gi phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị Hà Gi và anh Phạm Bá T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Đ, thành phố C, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Nguyễn Minh Tân**